

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;
- Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1983. HKTT: Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1983. HKTT: Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà L xin vắng mặt, bị đơn ông T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và đơn xin vắng mặt, nguyên đơn bà Hồ Thị L trình bày:*

Bà L và ông T chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 04/3/2015.

Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với gia đình. Bà L đã làm đơn xin ly hôn một lần nhưng rút đơn để tạo điều kiện cho ông T thay đổi nhưng ông T vẫn chứng nào tật ấy. Cuộc sống vợ chồng đã không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà L làm đơn xin ly hôn với ông T.

- Con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 10/02/2017 và Lê Hoàng Ngọc N1, sinh ngày 16/4/2021. Bà L yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 3.000.000 đồng (tức là mỗi con 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại phiên hoà giải, bà L chỉ yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án: 01 đơn xin ly hôn; 01 giấy chứng minh nhân dân nguyên đơn (bản sao có chứng thực), 01 sổ hộ khẩu thường trú của nguyên đơn (bản sao có chứng thực), 01 trích lục giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 02 giấy khai sinh của con (bản sao), 01 bản tự khai của nguyên đơn (bản chính); 01 yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Ngoài ra, bà L không có trình bày hay không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Bị đơn ông Lê Minh T:*

Ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến của ông T.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ, xét xử vụ án theo trình tự luật định. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà L, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không L do. Việc vắng mặt của bị đơn ông T là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L xin vắng mặt, bị đơn ông T đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa là cố tình và việc vắng mặt của bà L không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà L theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông T, kết quả xác minh xác định bị đơn ông T có hộ khẩu thường trú và vẫn đang cư trú tại ấp B, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Dầu Tiếng ngày 04/3/2015. Hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Bà L xác định quá trình chung sống bà L và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do ông T không có trách nhiệm với gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L xin được ly hôn với ông T. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban lãnh đạo ấp B xác định: Ông T vẫn còn cư trú tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, ông T và bà L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã không còn sống chung với nhau nhiều năm nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không có trách nhiệm, có hành vi quậy phá gia đình. Bị đơn ông T cố tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy, ông T đã không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống bà L và ông T có 02 con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 10/02/2017 và Lê Hoàng Ngọc N1, sinh ngày 16/4/2021. Bà L yêu cầu nuôi hai con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng). Hội đồng xét xử thấy rằng hai cháu hiện đang sống chung với bà L, có nguyện vọng được sinh sống với bà L nên giao cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng là nghĩa vụ bắt buộc của cha mẹ không trực tiếp nuôi con. Bà L trực tiếp nuôi hai

con nên ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng bà L yêu cầu là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị L đối với ông Lê Minh T về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hồ Thị L được ly hôn với ông Lê Minh T.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Giao bà Hồ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng N, sinh ngày 10/02/2017 và Lê Hoàng Ngọc N1, sinh ngày 16/4/2021. Ông Lê Minh T có trách nhiệm phải cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) (mỗi con là 1.000.000 đồng (một triệu đồng/tháng)). Thời hạn cấp dưỡng được tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Hồ Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Minh T không cấp dưỡng đúng thời hạn, thì hàng tháng ông T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Hồ Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011457 ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Ông Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Ngọc Tuyền